

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 29 – 7 – 2020.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết - Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Lê Khắc Dũng – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2019/TLST- KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 /2020/QĐXXST- KDTM ngày 24 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, TP HCM.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: bà Nguyễn Hà V – Nhân viên (Theo văn bản ủy quyền số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 và Giấy ủy quyền ngày 16/10/2018). Người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân B – Nhân viên (theo văn bản ủy quyền số 711/UQ-QLN.20, ngày 27/7/2020 và số 428/UQ-QLN/19 ngày 26/6/2019.

+ Bị đơn: ông Mạc Thanh H, sinh năm: 1977 (Có mặt) và bà Phạm Thị S, sinh năm: 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018 và phần trình bày tại phiên tòa của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Xuân B:

Ngày 29/5/2015, Ngân hàng và ông Mạc Thanh H và bà Phạm Thị S ký Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.311.290515; Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 200 triệu đồng; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất: 10,5%/ năm; mục đích vay vốn là Sản xuất

kinh doanh bổ sung vốn lưu động, kinh doanh tạp phẩm. Sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông bà vào ngày 29/5/2015 số tiền là 200.000.000 đồng, được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số KRP.CN.311.290515/01

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H và bà S đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.06.280514 ngày 28/5/2014, thế chấp cho Ngân hàng 01 tài sản là diện tích 2.645,90 m² thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 41, đã được UBND huyện Ea Kar cấp GCNQSD đất số BI 911314 ngày 28/4/2014 địa chỉ thửa đất tại thôn 4, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, ông H và bà S đã trả số tiền lãi 1.428.094 đồng. Sau đó thì ông bà không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà vẫn không thực hiện đúng cam kết.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện EaKar buộc ông H, bà S trả cho Ngân hàng 200.000.000 đồng tiền vay gốc, lãi tạm tính đến 29/7/2020 bao gồm: lãi trong hạn 7.684.444 đồng, lãi quá hạn là 166.165.833 đồng, lãi chậm trả 3.334.596 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/7/2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông H, bà S không trả được nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Theo Bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Mạc Thanh H, trình bày: Phần trình bày của Ngân hàng về Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp là đúng, vào ngày 29/5/2015, vợ chồng tôi (Mạc Thanh H và Phạm Thị S) có đăng ký kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 40H8004834 ngày 12/3/2012, để bổ sung vốn kinh doanh nên vợ chồng tôi có ký Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.311.290515 với Ngân hàng; Hai bên thỏa thuận số tiền vay là 200 triệu đồng; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất: 10,5%/ năm; mục đích vay vốn là sản xuất kinh doanh bổ sung vốn lưu động, kinh doanh tạp phẩm.

Sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng tôi vào ngày 29/5/2015 số tiền là 200.000.000 đồng, được thể hiện tại Khế ước nhận nợ số KRP.CN.311.290515/01

Để đảm bảo cho khoản vay trên, vợ chồng tôi đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.06.280514 ngày 28/5/2014, thế chấp cho Ngân hàng 01 tài sản là diện tích 2.645,90 m² tại Thôn 4, xã E, huyện EK, thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 41, đã được UBND huyện EaKar cấp GCNQSD đất số BI 911314 ngày 28/4/2014.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng tôi đã trả số tiền lãi 1.428.094 đồng. Sau đó vì khó khăn nên không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng. Nay vợ tôi đã đi xuất khẩu lao động về, nhưng vì công việc không thể sắp xếp về ngay nên việc Ngân hàng khởi kiện, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, yêu cầu bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện của

nguyên đơn cho bà Phạm Thị S. Tuy nhiên bà S không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến về việc chấp hành đúng quy định tại tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn ông H đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn bà S không tham gia làm việc theo giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 71, 72 của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Mạc Thanh H và bà Phạm Thị S trả số tiền vay và lãi theo Hợp đồng tín dụng, xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S trả số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng và xử lý tài sản thế chấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần A là chủ thể có đăng ký kinh doanh ký kết hợp đồng tín dụng với ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S cũng là chủ thể có đăng ký kinh doanh với nội dung cho ông H, bà S vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh tạp phẩm nên mục đích của các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy, xảy ra tranh chấp được xác định là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại. Bị đơn ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S có nơi cư trú tại Thôn 4, xã E, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

HĐXX nhận thấy, ngày 29/5/2015, ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S ký Hợp đồng cấp tín dụng số KRP. CN.311.290515 ngày 29/5/2015 để vay 200.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động kinh doanh tạp phẩm. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay 10.5%/ năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Mạc Thanh H và bà Phạm Thị S thế chấp cho Ngân hàng 01 tài sản có diện tích 2.645,90 m² tại Thôn 4, xã E, huyện EK, thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 41, đã được UBND huyện EaKar cấp GCNQSD đất số BI 911314 ngày 28/4/2014, tại ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.06.280514 ngày 28/5/2014.

Như vậy, xét hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các điều khoản của hợp

đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được xác định là hợp pháp và có hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông H, bà S đã trả 1.428.094 đồng tiền lãi. Đến kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, ông bà không thực hiện. Do đó, căn cứ điểm 3.1; 3.2 Điều 3 của Hợp đồng cấp tín dụng số KRP.CN.311.290515 ngày 29/5/2015, ông H, bà S đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, ngày 17/10/2019 Ngân hàng làm đơn khởi kiện ông H, bà S là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất vay trong hợp đồng tín dụng được điều chỉnh theo quy định của bên cho vay trong từng thời kỳ. Đối chiếu với bảng sao kê tính lãi đến ngày 29/7/2020 do Ngân hàng cung cấp thì lãi suất được tính và điều chỉnh theo từng thời kỳ, phù hợp với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng và các quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ Điều 351 Bộ luật Dân sự, ông H, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 5.1 Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.311.290515 ngày 29/5/2015; Điều 3.2 Khế ước nhận nợ KRP.CN.311.290515/01 ngày 29/5/2015 và mục 4.7.1 Điều 4 Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số KRP.CN.310.290515 ngày 29/5/2019 các bên có thỏa thuận phạt vi phạm do chậm trả lãi trong trường hợp bên được cấp tín dụng không thanh toán lãi đúng hạn. Quy định này là phù hợp với Điều 418 Bộ luật Dân sự 2015.

Do đó, căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc buộc ông Mạc Thanh H và bà Phạm Thị S phải có trách nhiệm trả 200.000.000 đồng tiền vay, lãi trong hạn 7.684.444 đồng, lãi quá hạn là 166.165.833 đồng, lãi chậm trả 3.334.596 đồng và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.311.290515 ngày 29/5/2015, kể từ ngày 30/7/2020 cho đến khi thanh toán xong hết khoản nợ trên.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp, ông Mạc Thanh H và bà Phạm Thị S không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.06.280514 ngày 28/5/2014 đối với diện tích đất 2.645,90 m² tại Thôn 4, xã E, huyện EK, thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 41, đã được UBND huyện EaKar cấp GCNQSD đất số BI 911314 ngày 28/4/2014 cho hộ ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S;

Trường hợp, ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp cho ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S;

[5] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị đơn ông

Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.859.000 đồng.

+ Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S phải trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157; Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 418, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S phải trả Ngân hàng TMCP A tổng số tiền 377.184.874 đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó, số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), khoản lãi suất phát sinh tính đến ngày 29/7/2020 là 177.184.874 đồng (Một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm tám mươi tư nghìn tám trăm bảy mươi bốn đồng).

Buộc ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S tiếp tục phải trả khoản lãi suất phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 30/7/2020 theo Hợp đồng tín dụng số KRP.CN.311.290515 ngày 29/5/2015 của Ngân hàng TMCP A đến khi ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S trả hết nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp, ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ nợ thì Ngân hàng TMCP A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KRP.BĐCN.06.280514 ngày 28/5/2014 đối với diện tích đất 2.645,90 m² tại Thôn 4, xã E, huyện EK, thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 41, đã được UBND huyện EaKar cấp GCNQSD đất số BI 911314 ngày 28/4/2014 cho hộ ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S.

Trường hợp, ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S thanh toán đầy đủ nợ cho Ngân hàng TMCP A thì Ngân hàng có trách nhiệm giải chấp cho ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 18.859.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền 6.914.203 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/ 0012920 ngày 20/3/2019.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Mạc Thanh H, bà Phạm Thị S phải trả chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng) cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện